

ĐỀ THI THỬ HÓA TỐT NGHIỆP 2013

- Câu 1:** Chất phản ứng được với dung dịch H_2SO_4 tạo ra kết tủa là
 A. NaOH. B. $BaCl_2$ C. NaCl. D. Na_2CO_3 .
- Câu 2:** Để loại bỏ kim loại Cu ra khỏi hỗn hợp bột gồm Ag và Cu, người ta ngâm hỗn hợp kim loại trên vào lượng dư dung dịch
 A. HNO_3 . B. $AgNO_3$. C. $Fe(NO_3)_2$ D. $Cu(NO_3)_2$.
- Câu 3:** Cho phương trình hoá học của hai phản ứng sau:
 $2Al(OH)_3 + 3H_2SO_4 \rightarrow Al_2(SO_4)_3 + 6H_2O$
 $Al(OH)_3 + KOH \rightarrow KAlO_2 + 2H_2O$
 Hai phản ứng trên chứng tỏ $Al(OH)_3$ là chất
 A. Có tính lưỡng tính. B. Có tính axit và tính khử
 C. Có tính bazơ và tính khử. D. Vừa có tính oxi hoá, vừa có tính khử
- Câu 4:** Chất phản ứng được với dung dịch NaOH tạo kết tủa là
 A. $FeCl_3$ B. $BaCl_2$. C. KNO_3 . D. K_2SO_4
- Câu 5:** Cho 1,37 gam kim loại kiềm thổ M phản ứng với nước (dư), thu được 0,01 mol khí H_2 . Kim loại M là
 A. Mg B. Ca C. Ba D. Sr
- Câu 6:** Cho dãy các chất: H_2NCH_2COOH , $C_6H_5NH_2$, $C_2H_5NH_2$, CH_3COOH . Số chất trong dãy phản ứng được với NaOH trong dung dịch là
 A. 4 B. 1 C. 2 D. 3
- Câu 7:** Kim loại phản ứng được với dung dịch NaOH là
 A. Ag B. Cu C. Fe D. Al
- Câu 8:** Cho phương trình hoá học của hai phản ứng sau:
 $FeO + CO \xrightarrow{t^o} Fe + CO_2$
 $3FeO + 10HNO_3 \rightarrow 3Fe(NO_3)_3 + NO + 5H_2O$
 A. Chỉ có tính Oxi hóa B. Chỉ có tính khử.
 C. Chỉ có tính bazơ D. Vừa có tính khử vừa có tính oxi hóa
- Câu 9:** Cấu hình electron của nguyên tử Na ($Z = 11$) là
 A. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^1$ B. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2$ C. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^1$ D. $1s^2 2s^2 2p^6$.
- Câu 10:** Phản ứng hoá học nào sau đây **không** xảy ra?
 A. $2C_2H_5OH + 2Na \rightarrow 2C_2H_5ONa + H_2$. B. $2CH_3COOH + 2Na \rightarrow 2CH_3COONa + H_2$.
 C. $C_6H_5OH + CH_3COOH \rightarrow CH_3COOC_6H_5 + H_2O$ D. $CH_3COOH + NaOH \rightarrow CH_3COONa + H_2O$
- Câu 11:** Trong số các kim loại Na, Mg, Al, Fe, kim loại có tính khử mạnh nhất là
 A. Fe B. Al C. Mg D. Na
- Câu 12:** Cho lòng trắng trứng vào $Cu(OH)_2$ thấy xuất hiện màu
 A. Đen B. Tím C. Đỏ D. Vàng
- Câu 13:** Nung 21,4 gam $Fe(OH)_3$ ở nhiệt độ cao đến khối lượng không đổi, thu được m gam một oxit. Giá trị của m là (Cho H = 1, O = 16, Fe = 56)
 A. 8,0 B. 16,0 C. 14,0 D. 12,0
- Câu 14:** Cho các chất: dung dịch saccarozơ, glixerol, ancol etylic, natri axetat. Số chất phản ứng được với $Cu(OH)_2$ ở điều kiện thường là
 A. 3 B. 1 C. 2 D. 4
- Câu 15:** Chất phản ứng được với axit HCl là

- A. HCOOH. B. C₆H₅OH (phenol). C. C₆H₅NH₂ (anilin). D. CH₃COOH.
- Câu 16 :** Số hợp chất hữu cơ đơn chức, có công thức phân tử C₂H₄O₂ và tác dụng được với dung dịch NaOH là
 A. 1 B. 2 C. 4 D. 3
- Câu 17 :** Hoà tan 5,6 gam Fe bằng dung dịch HNO₃ loãng (dư), sinh ra V lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc). Giá trị của V là
 A. 3,36 B. 2,24 C. 4,48 D. 6,72
- Câu 18 :** Polivinyl clorua (PVC) được điều chế từ vinyl clorua bằng phản ứng
 A. Trùng hợp. B. Axit - bazơ C. Trao đổi. D. Trùng ngưng
- Câu 19 :** Hòa tan 6,5 gam Zn trong dung dịch axit HCl dư, sau phản ứng cô cạn dung dịch thì số gam muối khan thu được là (Cho H = 1, Zn = 65, Cl = 35,5)
 A. 13,6 B. 27,2 C. 20,7 D. 14,69
- Câu 20 :** Cho dãy các kim loại: Fe, W, Hg, Cu. Kim loại trong dãy có nhiệt độ nóng chảy thấp nhất là
 A. Fe B. Hg C. Cu D. W
- Câu 21 :** Este X phản ứng với dung dịch NaOH, đun nóng tạo ra ancol metylic và natri axetat. Công thức cấu tạo của X là
 A. C₂H₅COOCH₃. B. CH₃COOCH₃ C. HCOOCH₃. D. CH₃COOC₂H₅.
- Câu 22 :** Oxit kim loại bị khử bởi khí CO ở nhiệt độ cao là
 A. K₂O B. MgO. C. CuO D. Al₂O₃
- Câu 23 :** Hoà tan 5,4 gam Al bằng một lượng dung dịch H₂SO₄ loãng (dư). Sau phản ứng thu được dung dịch X và V lít khí hiđro (ở đktc). Giá trị của V là
 A. 2,24 lít B. 4,48 lít C. 3,36 lít. D. 6,72 lít.
- Câu 24 :** Chất có thể dùng để làm mất tính cứng của nước là
 A. HCl. B. H₂SO₄ C. Na₂SO₄ D. Na₂CO₃.
- Câu 25 :** Hợp chất **không** làm đổi màu giấy quỳ tím ẩm là
 A. CH₃COOH. B. CH₃NH₂. C. NH₃ D. H₂NCH₂COOH
- Câu 26 :** Để khử hoàn toàn 8,0 gam bột Fe₂O₃ bằng bột Al (ở nhiệt độ cao, trong điều kiện không có không khí) thì khối lượng bột nhôm cần dùng là
 A. 2,7 B. 1,35 C. 8,10 D. 5,4
- Câu 27 :** Khi điện phân dung dịch CuCl₂ để điều chế kim loại Cu, quá trình xảy ra ở catot (cực âm) là
 A. Cu²⁺ + 2e → Cu B. Cl₂ + 2e → 2Cl⁻. C. Cu → Cu²⁺ + 2e D. 2Cl⁻ → Cl₂ + 2e
- Câu 28 :** Chất phản ứng được với dung dịch CaCl₂ tạo kết tủa là
 A. Na₂CO₃ B. Mg(NO₃)₂. C. HCl. D. NaNO₃.
- Câu 29 :** Cho 15 gam hỗn hợp bột kim loại Zn và Cu vào dung dịch HCl (dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 4,48 lít khí H₂ (đktc) và m gam kim loại không tan. Giá trị của m là
 A. 8,5 B. 2,0 C. 2,2 D. 6,4
- Câu 30 :** Polivinyl clorua có công thức là
 A. -(CH₂ - CH₂)_n B. -(CH₂ - CHBr)_n C. -(CH₂ - CHF)_n D. -(CH₂ - CHCl)_n
- Câu 31 :** Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân?
 A. Tinh bột B. Glucozơ C. Saccarozơ. D. Protein.
- Câu 32 :** Để phân biệt dung dịch Cr₂(SO₄)₃ và dung dịch FeCl₂ người ta dùng lượng dư dung dịch
 A. NaOH B. NaNO₃. C. K₂SO₄. D. KNO₃.
- Câu 33 :** Cho dãy các dung dịch: glucozơ, saccarozơ, etanol, glixerol. Số dung dịch trong dãy phản ứng được với Cu(OH)₂ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch có màu xanh lam là
 A. 4 B. 2 C. 1 D. 3

- Câu 34 :** Cho dãy các kim loại: Na, Al, W, Fe. Kim loại trong dãy có nhiệt độ nóng chảy cao nhất là
A. Al B. Fe C. W D. Na
- Câu 35 :** Sản phẩm cuối cùng của quá trình thủy phân các protein đơn giản nhờ xúc tác thích hợp là
A. β -amino axit. B. Este. C. α -amino axit. D. axit cacboxylic
- Câu 36 :** Sau bài thực hành hoá học, trong một số chất thải dạng dung dịch có chứa các ion : Cu^{2+} , Zn^{2+} , Fe^{3+} , Pb^{2+} , Hg^{2+} , ... Dùng chất nào sau đây có thể xử lí sơ bộ các chất thải trên ?
A. Etanol B. Giấm ăn C. HNO_3 D. Nước vôi dư
- Câu 37 :** Khi thủy phân $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ bằng dung dịch NaOH thì sản phẩm của phản ứng là
A. CH_3COONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ B. CH_3COOH và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$
C. CH_3COONa và CH_3ONa D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$ và CH_3ONa
- Câu 38 :** Thuốc thử duy nhất có thể dùng phân biệt hai khí SO_2 và CO_2 là
A. Dung dịch NaOH B. H_2O C. Dung dịch Br_2 D. Dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$
- Câu 39 :** Canxi hiđroxit ($\text{Ca}(\text{OH})_2$) còn gọi là
A. Thạch cao sống B. Thạch cao khan C. Vôi tôi D. Đá vôi
- Câu 40 :** Để phân biệt dung dịch AlCl_3 và dung dịch KCl ta dùng dung dịch
A. H_2SO_4 B. NaNO_3 . C. HCl. D. NaOH.

PHIẾU SOI - P N (Dành cho giám khảo)

M N : HOA 12 TN

M : 105

01	{) } ~	28) } ~		
02	{) } ~	29	{) } ~		
03) } ~	30) } ~		
04) } ~	31	{) } ~		
05	{) ~	32) } ~		
06	{ })	33	{ })		
07	{ })	34	{) ~		
08	{ })	35	{) ~		
09	{) ~	36	{ })		
10	{) ~	37	{) } ~		
11	{ })	38	{) ~		
12	{) } ~	39	{) ~		
13	{) } ~	40	{ })		
14	{) ~				
15	{) ~				
16	{) } ~				
17) } ~				
18) } ~				
19) } ~				
20	{) } ~				
21	{) } ~				
22	{) ~				
23	{ })				
24	{ })				
25	{ })				
26) } ~				
27) } ~				